

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ  
INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016  
PERFORMANCE OF BUSINESS OPERATIONS IN 2016**

Căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế năm 2016 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) và công ty con, Công ty xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 như sau:

*Pursuant to the actual business result in 2016 of Interfood Shareholding Company (“Company”) and its subsidiary, the Company would like to report the result of business operations in 2016 of the Company as below:*

- Trong năm 2016, Công ty đã nỗ lực đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra bằng việc tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty đã đạt mức tăng trưởng được 9% so với năm trước.

*In 2016, the Company strived to achieve its business targets through increasing market shares for its key products, diversifying its product portfolios and expanding its distribution network to maintain and develop its business operation. Gross sales revenue was increased 9% compared to the previous year.*

- Công ty tập trung phát triển sản phẩm chủ lực Trà Bí Đào Wonderfarm cũng như mở rộng thị trường cho nhãn hàng Kirin. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã phát triển và tung ra thị trường sản phẩm dòng sản phẩm mới Thức Uống Rau Quả chai 280ml và thay đổi quy cách, mẫu mã cho một số dòng sản phẩm truyền thống như Ice Plus Hương Đào chai nhỏ 345ml, Kem Dừa lon nhỏ 160ml.

*The Company focused on strengthening its core product Wonderfarm Winter Melon Tea as well as expanding market for Kirin brand products. Besides, the Company developed and launched new product Fruit and Veggie 280ml, changed packaging size and renewed branding for several traditional products such as Ice Plus Peach flavor 345ml, Coconut Cream 160ml ...in order to meet the needs of consumers and diversify its product portfolios.*

- Công ty đã triệt để thực hiện chính sách tiết giảm chi phí tại nhà máy cũng như sử dụng hợp lý chi phí kinh doanh và tiếp thị nhằm nâng cao hiệu quả công việc và năng lực cạnh tranh. Các chương trình cắt giảm chi phí tại nhà máy đã được thực hiện triệt để nhằm đạt chỉ tiêu chi phí sản xuất mà Công ty đã đề ra. Kết quả đạt được, Công ty đã có lãi sau thuế là 43.4 tỉ VNĐ.

*The Company implemented cost reduction programs and effective use of promotion and marketing expenses to improve its business efficiency and competitiveness. All the planned cost reduction programs at the factory were steadily implemented to achieve the manufacturing cost target required by the Company. As a result of these activities, the Company achieved profit after tax at 43.4 billion VND.*

**Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016/ Performance of business operations in 2016**

Chi tiêu <i>Description</i>	Kế hoạch 2016 <i>Plan 2016</i>		Thực hiện 2016 <i>Actual 2016</i>		Tỷ lệ <i>Variance</i>
	USD	VND '000	USD	VND '000	%
	Tỉ giá/ Exchange rate 1 USD = 22.500 VND		Tỉ giá/ Exchange rate 1 USD = 22.785 VND		
<b>Tổng doanh thu</b> <i>Sales</i>	<b>64,238,822</b>	<b>1,445,373,485</b>	<b>63,104,845</b>	<b>1,437,843,891</b>	<b>99%</b>
Các khoản giảm trừ <i>Deductions</i>	(4,026,165)	(90,588,705)	(4,710,545)	(107,329,767)	118%
<b>Doanh thu thuần</b> <i>Net sales and services</i>	<b>60,212,657</b>	<b>1,354,784,781</b>	<b>58,394,300</b>	<b>1,330,514,124</b>	<b>98%</b>
Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	(41,893,944)	(942,613,744)	(40,265,603)	(917,451,772)	97%
<b>Lợi nhuận gộp</b> <i>Gross profit</i>	<b>18,318,713</b>	<b>412,171,037</b>	<b>18,128,697</b>	<b>413,062,352</b>	<b>100%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	-	-	1,306,805	29,775,560	-
Chi phí hoạt động tài chính <i>Financial expenses</i>	(222,000)	(4,995,000)	(1,594,480)	(36,330,220)	727%
Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	(17,556,140)	(395,013,158)	(12,930,313)	(294,617,177)	75%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General &amp; administration expenses</i>	(1,815,720)	(40,853,691)	(1,865,533)	(42,506,175)	104%
<b>Lãi / (lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b> <i>Net operating profit/(loss)</i>	<b>(1,275,147)</b>	<b>(28,690,812)</b>	<b>3,045,176</b>	<b>69,384,340</b>	<b>-</b>
Thu nhập khác <i>Other income</i>	120,000	2,700,000	49,311	1,123,541	42%
Chi phí khác <i>Other expenses</i>	(1,380,000)	(31,050,000)	(1,177,939)	(26,839,330)	86%
Lợi nhuận khác <i>Other loss, net</i>	(1,260,000)	(28,350,000)	(1,128,628)	(25,715,789)	91%
<b>Lãi / (Lỗ) trước thuế</b> <i>Profit/ (Loss) before tax</i>	<b>(2,535,147)</b>	<b>(57,040,812)</b>	<b>1,916,548</b>	<b>43,668,551</b>	<b>-</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành <i>Current corporate income tax expenses</i>	-	-	(46,595)	(1,061,659)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred corporate income tax expenses</i>	(18,000)	(405,000)	36,531	832,367	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b> <i>Net profit/(loss) after tax</i>	<b>(2,553,147)</b>	<b>(57,445,812)</b>	<b>1,906,485</b>	<b>43,439,259</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số <i>Minority interest</i>	(24,000)	(540,000)	(611)	(13,928)	3%
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trong năm</b> <i>Net Profit / (Loss) for the year</i>	<b>(2,577,147)</b>	<b>(57,985,812)</b>	<b>1,905,874</b>	<b>43,425,331</b>	<b>-</b>

Thay mặt Hội đồng quản trị  
On behalf of the Board of Management  
Chủ tịch/ Chairman

(đã ký và đóng dấu)  
(signed and sealed)

TORU YAMASAKI